

Số: 16/2024/QĐST-HNGĐ

Than Uyên, ngày 28 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 5 năm 2024;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 48/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Lò Văn Đ, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Bản M, xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

2. Chị Lò Thị Danh, sinh năm 2001;

Địa chỉ: Bản M, xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn Đ và chị Lò Thị D tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 19/5/2020 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2020, ngày 19/5/2020 của Ủy ban nhân dân xã P cấp cho anh Lò Văn Đ và chị Lò Thị D xác định hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị Lò Thị D và anh Lò Văn Đ sinh sống tại xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Sống chung hạnh phúc được khoảng hơn ba năm thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh, chị không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung và đã không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2023 đến nay. Ngày 03/5/2024 anh Lò Văn Đ và chị Lò Thị D cùng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Than Uyên công nhận anh Đ và chị D thuận tình ly hôn. Kèm theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn các đương sự đã nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh Lò Văn Đ và chị Lò Thị D đã

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và nội dung thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ. Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20/5/2024 giữa anh Lò Văn Đ và chị Lò Thị D xác định anh Đ và chị D thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Lò Văn Đ và chị Lò Thị D có một con chung chưa thành niên là **Lò Thiếu Th**, sinh ngày 29/10/2020. Chị Lò Thị D và anh Lò Văn Đ thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn như sau:

Giao cho anh Lò Văn Đ là người trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là **Lò Thiếu Th** cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn Đ và chị Lò Thị D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Anh Lò Văn Đ và chị Lò Thị D, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Xét thấy các đương sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên sau khi ly hôn và không yêu cầu Tòa án giải quyết về **cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản và công nợ chung**. Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con chung chưa thành niên do vậy cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn Đ và chị Lò Thị D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Lò Văn Đ và chị Lò Thị D có một con chung chưa thành niên là **Lò Thiếu Th**, sinh ngày 29/10/2020. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con sau khi ly hôn:

Giao cho anh Lò Văn Đ là người trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là **Lò Thiếu Th** cho đến khi **con chung** thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động.

Chị Lò Thị D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với anh Đ. Anh Đ có quyền yêu cầu chị D cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lò Văn Đ và chị Lò Thị D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản và công nợ chung: Anh Lò Văn Đ và chị Lò Thị D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) trong đó anh Lò Văn Đ và chị Lò Thị D mỗi người phải chịu là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị là để anh Lò Văn Đ nộp toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận, anh Lò Văn Đ đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: **0000810**, ngày 07/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên;
- Chi cục THADS huyện Than Uyên;
- UBND xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lương Thị Mỹ Hằng